

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày

tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-BKHĐT ngày 10/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2302/TTr-SKHĐT ngày 14/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư và lĩnh vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

(có Danh mục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư và lĩnh vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi, bổ sung 05 TTHC tại Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư và lĩnh vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
<i>Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</i>						
1.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất. (1.009491.00 0.00.00.H56)	Tổng thời hạn giải quyết là 45 ngày, cụ thể: - Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày; - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	Không có	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020. - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.	

2.	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (1.009493.00 0.00.00.H56)	Tổng thời hạn giải quyết là 45 ngày, cụ thể: - Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày; - Thời hạn phê duyệt quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP: Không quá 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	Không có	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.																							
3.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (1.009492.00 0.00.00.H56)	Tổng thời hạn giải quyết là 75 ngày, cụ thể: - Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày; - Thời hạn phê duyệt dự án PPP: Không quá 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	<p>- Thu phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% của 50 % mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan (có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2022).</p> <p>BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ</p> <table border="1" data-bbox="958 1193 1727 1406"> <tr> <td>Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)</td> <td>≤ 15</td> <td>25</td> <td>50</td> <td>100</td> <td>200</td> <td>500</td> <td>1.000</td> <td>2.000</td> <td>5.000</td> <td>≥ 10.000</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ %</td> <td>0,0190</td> <td>0,0170</td> <td>0,0150</td> <td>0,0125</td> <td>0,0100</td> <td>0,0075</td> <td>0,0047</td> <td>0,0025</td> <td>0,0020</td> <td>0,0010</td> </tr> </table>	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥ 10.000	Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức	Sửa đổi nội dung thu phí; Căn cứ pháp lý
Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥ 10.000																		
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010																		

				<p>- Thu phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50 % mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan (có hiệu lực từ ngày 01/7/2022).</p> <p>BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ</p> <table border="1"> <tr> <td>Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)</td> <td>≤ 15</td> <td>25</td> <td>50</td> <td>100</td> <td>200</td> <td>500</td> <td>1.000</td> <td>2.000</td> <td>5.000</td> <td>≥10.000</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ %</td> <td>0,0190</td> <td>0,0170</td> <td>0,0150</td> <td>0,0125</td> <td>0,0100</td> <td>0,0075</td> <td>0,0047</td> <td>0,0025</td> <td>0,0020</td> <td>0,0010</td> </tr> </table>	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000	Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010	<p>đôi tác công tư.</p> <p>- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.</p>	
Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000																		
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010																		
4.	<p>Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (1.009494.00 0.00.00.H56)</p>	<p>Tổng thời hạn giải quyết là 75 ngày, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày;</p> <p>- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)</p>	<p>- Thu phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% của 50 % mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan (có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2022).</p> <p>BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ</p> <table border="1"> <tr> <td>Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)</td> <td>≤ 15</td> <td>25</td> <td>50</td> <td>100</td> <td>200</td> <td>500</td> <td>1.000</td> <td>2.000</td> <td>5.000</td> <td>≥10.000</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ %</td> <td>0,0190</td> <td>0,0170</td> <td>0,0150</td> <td>0,0125</td> <td>0,0100</td> <td>0,0075</td> <td>0,0047</td> <td>0,0025</td> <td>0,0020</td> <td>0,0010</td> </tr> </table>	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000	Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010	<p>- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</p>	<p>Sửa đổi nội dung thu phí; Căn cứ pháp lý</p>
Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000																		
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010																		

			<p>- Thu phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50 % mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan (có hiệu lực từ ngày 01/7/2022).</p> <p>BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ</p> <table border="1"> <tr> <td>Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)</td> <td>≤ 15</td> <td>25</td> <td>50</td> <td>100</td> <td>200</td> <td>500</td> <td>1.000</td> <td>2.000</td> <td>5.000</td> <td>≥ 10.000</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ %</td> <td>0,0190</td> <td>0,0170</td> <td>0,0150</td> <td>0,0125</td> <td>0,0100</td> <td>0,0075</td> <td>0,0047</td> <td>0,0025</td> <td>0,0020</td> <td>0,0010</td> </tr> </table>	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥ 10.000	Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010	<p>- Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh TH.</p>
Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥ 10.000																
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010																

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
<i>Lĩnh vực Đấu thầu</i>						
5.	<p>Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đôi với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) (2.002283.00 0.00.00.H56)</p>	<p>Tổng thời hạn giải quyết: 40 ngày, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất; đánh giá việc đáp ứng đầy đủ điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất quy định Khoản 4 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, trong đó bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư. 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)</p>	<p>Không có</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu năm 2013. - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - <i>Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi nội dung trong Thời hạn giải quyết (từ khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021 /NĐ-CP thành Khoản 4 Điều 108 Nghị định số 31/2021 /NĐ-CP) - Căn cứ pháp lý